

CTCP Thủy Điện Miền Nam (HSX: SHP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	36,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,953
SL cổ phiếu LH	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,510
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,684
P/E	11.7
EPS	3,116

DT thuần

Q1/25

66.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼173 | -72.3%

YoY: ▲ 9.50 | 16.8%

LN sau thuế

Q1/25

13.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼117 | -89.8%

YoY: ▲ 19.5 | 310%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

53.5%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

2024

628

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0 | -5.0%

LN sau thuế

2024

296

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.0 | 7.5%

ROE

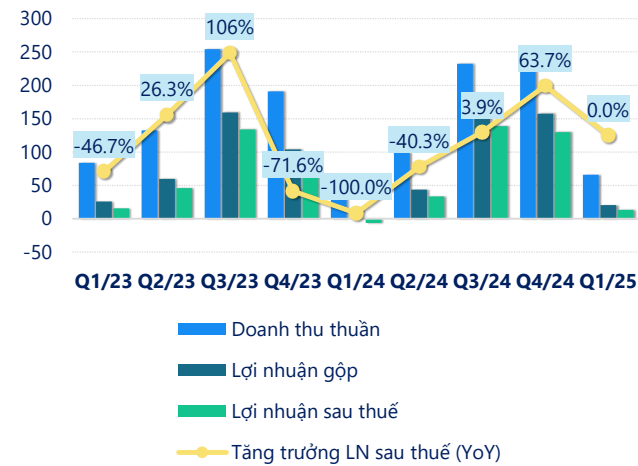
2024

22.0%

+/- YoY: ▲ 2.3%

tỷ VNĐ

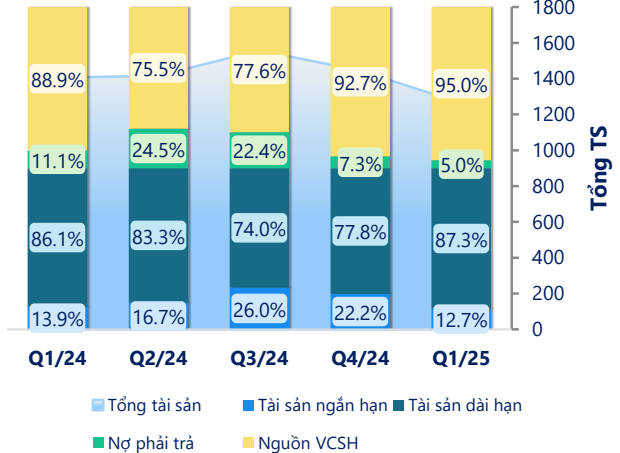
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

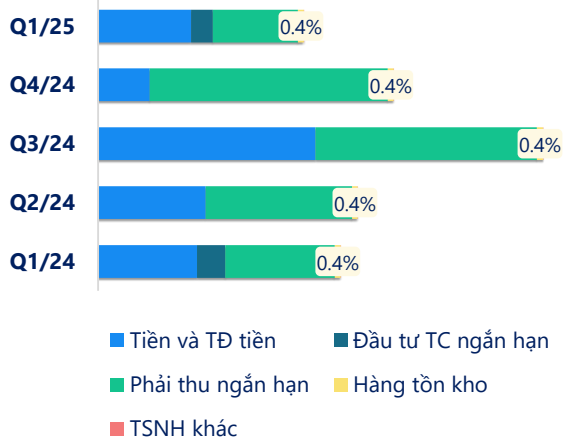
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



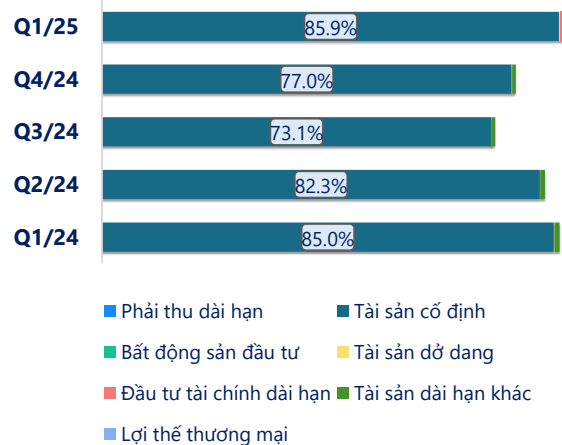
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

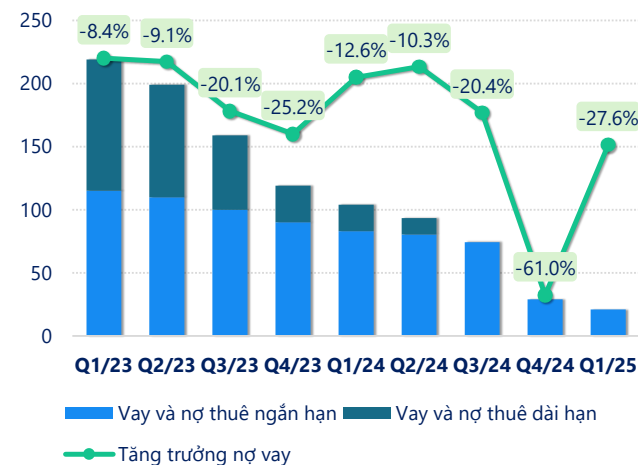
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

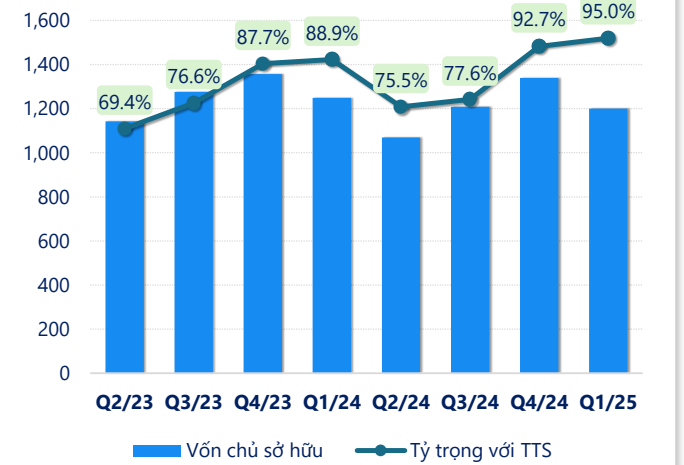
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



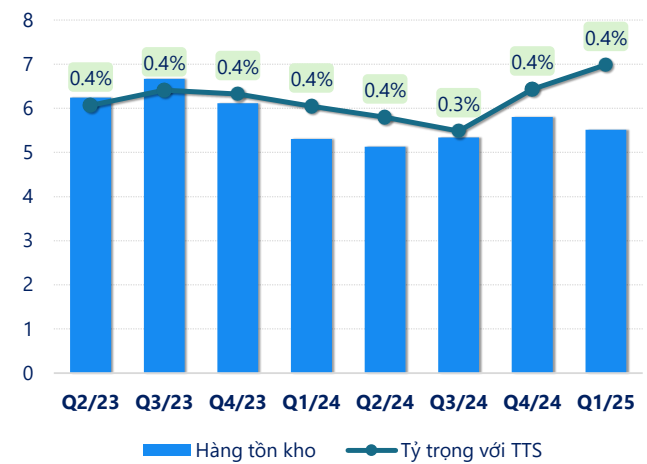
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

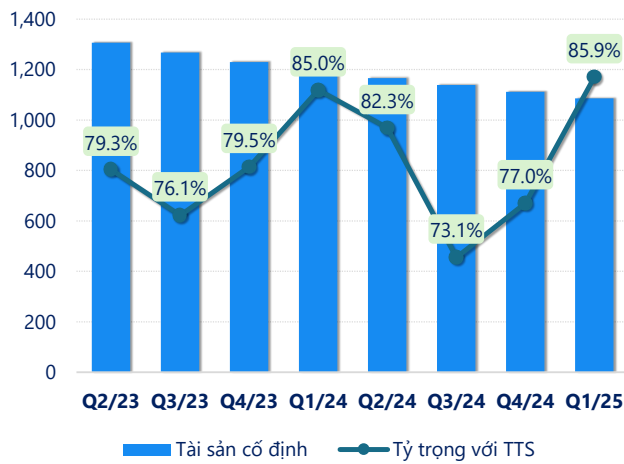

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


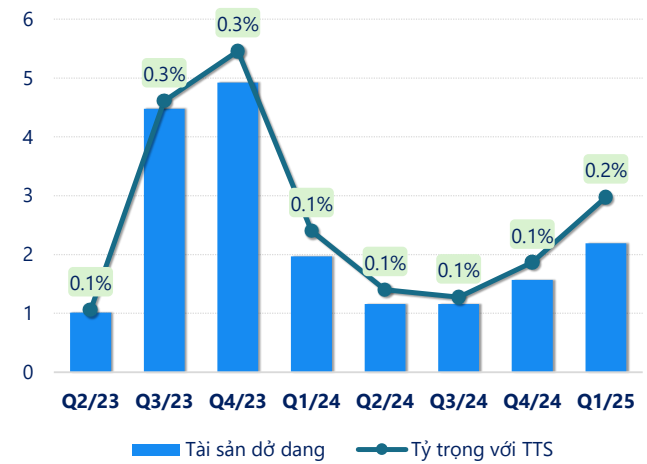
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

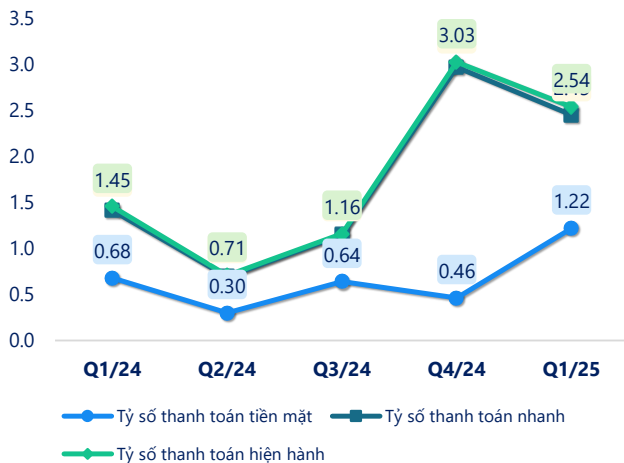
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

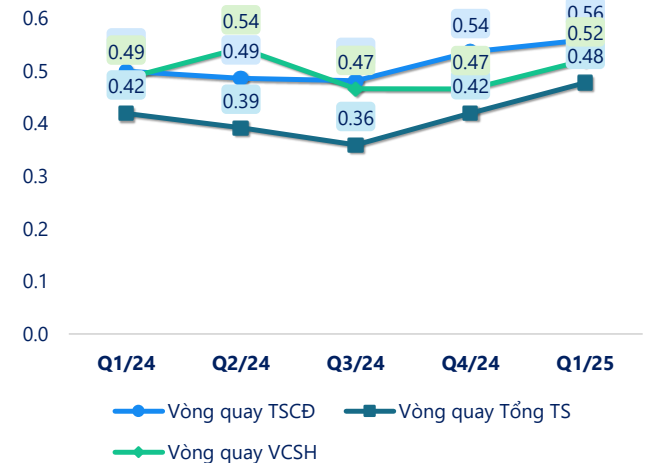
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,404	1,417	1,557	1,444	1,264
Tài sản ngắn hạn	196	236	405	320	161
Tiền và tương đương tiền	91.5	100	223	49.0	77.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	0	22.0	16.8
Phải thu ngắn hạn	78.9	110	177	242	60.8
Hàng tồn kho	5.31	5.13	5.34	5.80	5.52
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.18	0.19	0.72	0.57
Tài sản dài hạn	1,209	1,181	1,152	1,124	1,102
Phải thu dài hạn	0.01	0.70	0.70	0.70	0.70
Tài sản cố định	1,193	1,166	1,139	1,112	1,085
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.97	1.16	1.16	1.57	2.19
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	5.24
Tài sản dài hạn khác	13.4	12.8	11.4	10.3	8.96
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	156	347	349	106	63.5
Nợ ngắn hạn	135	334	349	106	63.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	83.0	80.3	74.3	29.0	21.0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.96	0.65	1.44	3.07	2.21
Nợ dài hạn	21.0	13.0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	13.0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,249	1,070	1,209	1,339	1,200
Vốn chủ sở hữu	1,249	1,070	1,209	1,339	1,200
Vốn điều lệ	1,012	1,012	1,012	1,012	1,012
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)